TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2022/DS-ST
Ngày: 25 - 7 - 2022
V/v: "Tranh chấp di sản thừa kế và hủy quyết định cá biệt".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội Đ2 xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Xuân Thành

Bà Nguyễn Thị Quế Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bảo Châu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:

Bà Trần Thị Tâm - Kiểm sát viên

Trong các ngày 21 và 25 tháng 7 năm 2022, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ L số 19/2020/TLST-DS ngày 17 tháng 02 năm 2020 về việc: "Tranh chấp chia di sản thừa kế, hủy quyết định cá biệt" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34a/2022/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: ông Hồ Trọng Đ, sinh năm 1954 - có mặt.

Nơi ĐKHKTT: Xóm 6, xã Quỳnh Giang, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An

Nơi cư trú: Đội 10, xóm Lạch Vằng, xã V Thành, huyện Yên Thành, Nghệ An

- Bị đơn: Bà Đoàn Thị V, sinh năm 1950 - có mặt.

Nơi cư trú: Xóm Tân Xuân, xã Quỳnh Bảng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

- N1ời có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. UBND huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An

Đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng V Bộ - Chủ tịch UBND huyện - vắng mặt.

2/ Anh Hồ Trọng T, sinh năm 1964 (con ông Hồ Trọng L) - có mặt.

Nơi cư trú: Xóm 16, xã Quỳnh Tân, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

3/ Anh Hồ Trọng Q, sinh năm 1976 (con ông Hồ Trọng Đ1) - có mặt.

Nơi cư trú: Thôn Thống Nhất, xã IAZin , huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai.

4/ Chị Hồ Thị H, sinh năm 1980 (con ông Đ1) - có mặt.

Nơi cư trú: Xóm Quỳnh I, xã Châu Bình, huyện Quỳ Châu, tỉnh Nghệ An.

5/ Chị Hồ Thị C, sinh năm 1982 (con ông Đ1) - có mặt.

Nơi cư trú: Xóm Trống (xóm 2), xã Nghĩa Thọ, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An.

6/ Anh Hồ Trọng T1, sinh năm 1987 (con ông Đ1) - có mặt.

Nơi cư trú: Xóm Tân Xuân, xã Quỳnh Bảng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

7/ Anh Hồ Trọng T2, sinh năm 1990 (con ông Đ1) - có mặt.

Nơi cư trú: Xóm Tân Xuân, xã Quỳnh Bảng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

8/ Chị Hồ Thị V, sinh năm 1975 (con ông Đ2) - có mặt.

Nơi cư trú: Xóm Đ2 Hưng, xã Quỳnh Bảng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

9/ Chị Hồ Thị T3, sinh năm 1977 (con ông Đ2) - vắng mặt.

Nơi cư trú: Xóm Tân Xuân, xã Quỳnh Bảng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

N1ời đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thi N, sinh năm 1948 - vắng mặt.

Nơi cư trú: Xóm Tân Xuân, xã Quỳnh Bảng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

10/ Bà Hồ Thị N1, sinh năm 1950 - có mặt.

Nơi cư trú: Xóm 16, xã Quỳnh Tân, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

11. Bà Hồ Thị D, sinh năm 1953 - có mặt.

Nơi cư trú: Khối 6, thị trấn Cầu Giát, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn ông Hồ Trọng Đ trình bày:

Cụ Hồ Trọng T4 sinh năm 1907, chết năm 1989 và cụ Phạm Thị T5 sinh năm 1911, chết năm 1990. Hai cụ chết không để lại di chúc. Hai cụ không có con nuôi, không có con riêng, có 7 con chung gồm:

1. Ông Hồ Trọng L, sinh năm 1938, liệt sỹ hy sinh năm 1968, có vợ là bà Hồ Thị

Cam, con trai là Hồ Trọng T;

2. Ông Hồ Trọng Đ1, sinh năm 1941, chết năm 2013, có vợ là bà Đoàn Thị V và các con là Hồ Trọng Q, Hồ Thị H, Hồ Thị C, Hồ Trọng T1 và Hồ Trọng T2;

3. Ông Hồ Trọng Đ2, sinh năm 1943, chết năm 1976, có vợ là Nguyễn Thị N và các con là Hồ Thị V và Hồ Thị T3;

4. Bà Hồ Thị N1, sinh năm 1950;

5. Bà Hồ Thị D, sinh năm 1953;

6. Ông Hồ Trọng Đ, sinh năm 1954;

7. Bà Hồ Thị Bảy, sinh năm 1956, chết năm 1987 không có chồng con;

Khi chết hai cụ để lại di sản là mảnh đất hiện nay mẹ con bà Đoàn Thị V đang sử dụng là thửa đất số 127, tờ bản đồ số 02 (bản đồ 299), diện tích 3.080m^2, nay là thửa đất số 273, tờ bản đồ số 10 (bản đồ địa chính), diện tích 2.880m^2 tại xóm Tân Xuân, xã Quỳnh Bảng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1995 mang tên ông Hồ Trọng Đ1. Khi cấp bìa cho ông Đ1 các thành viên trong gia đình không ai biết. Trên đất có nhà 4 gian 2 vì gỗ nhưng đã xập xệ.

Năm 2002 bà V tự ý dỡ nhà của cụ T4 xếp lại và hiện nay không thấy còn nữa. Tài sản của bà V hiện nay đã xây dựng trên thửa đất của ông T4, bà T5 gồm 01 nhà ngói 03 gian 01 vì gỗ, công trình phụ, một gian ốt xây phía Đ1ng của thửa đất.

Ông Đ Đ2 ý với lời khai của bà V và thừa nhận: Năm 1977 ông đang ở chung với bố mẹ, khi đó vợ chồng ông Đ1 và bà V đã có nhà đất ở cùng xóm Tân Xuân, xã Quỳnh Bảng. Do anh trai đầu đã hy sinh nên hai cụ đã gọi vợ chồng ông Đ1 và bà V về ở trong nhà. Khi đó ông Đ có bàn với ông Đ1 là anh chị tạm thời về chăm sóc bố mẹ để giải quyết việc gia đình, khi nào bố mẹ chết thì giải quyết cho cháu đích tôn là anh Hồ Trọng T giao trách nhiệm thờ cúng ông bà. Thời điểm đó ông Đ mới cưới vợ được mấy tháng, hai vợ chồng ông chuyển xuống nhà đất ông Đ1, bà V cũng ở trong xóm, khi đó là đất xã hội, chưa được cấp bìa. Ông Đ và ông Đ1 chỉ thỏa thuận miệng là ông Đ tạm thời xuống ở đất của ông Đ1 còn vợ chồng ông Đ1 về ở với bố mẹ là ông T4, bà T5. Ông ở nhà đất đó từ năm 1976, 1977 ông không nhớ cụ thể, đến năm 1991 ông đã bán ngôi nhà và thửa đất đổi ông Đ1 cho ông Nguyễn Khắc Phú, hiện nay ông Phú đang quản L, sử dụng. Khi bán ông có nói nhưng vợ chồng ông Đ1, bà V không thấy nói gì. Số tiền bán nhà đất được 800.000 Đ2, ông đã sử dụng, không đưa cho ông Đ1, bà V. Còn việc cụ T4 và cụ T5 có giao đất đó cho vợ chồng ông Đ1, bà V trước sự chứng kiến của ông là không đúng vì cụ T4 và cụ T5 không giao đất cho ai cả. Năm 2002 bà V tự ý dỡ nhà của cụ T4 xếp lại và hiện nay không thấy còn nữa. Tài sản của bà V hiện nay đã xây dựng trên thửa đất của cụ T4 và cụ T5 gồm 01 nhà ngói 03 gian 01 vì gỗ, công trình phụ, một gian ốt xây phía Đ1ng của thửa đất. Tháng

3/2017 ông Hồ Trọng Đ làm đơn đề nghị UBND xã Quỳnh Bảng giải quyết chia đất ở, đất vườn là di sản của cụ T4 và cụ T5 chết để lại. Ngày 31/3/2017 UBND xã hòa giải nhưng không thành. Đ2 thời bà Đoàn Thị V xuất trình giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất đối với thửa đất của cụ T4 và cụ T5 chết để lại, đứng tên ông Hồ Trọng Đ1. Lúc này ông Đ và các con, cháu của cụ T4 mới biết thửa đất của cụ T4 và cụ T5 đã được cấp bìa đỏ cho ông Hồ Trọng Đ1.

Ông Hồ Trọng Đ đề nghị Tòa án giải quyết hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G555565 do UBND huyện Quỳnh Lưu cấp ngày 30/12/1995 đứng tên ông Hồ Trọng Đ1 đối với thửa đất số 127, tờ bản đồ số 2 (bản đồ 299) tại xóm Tân Xuân, xã Quỳnh Bảng. Chia thừa kế theo quy định của pháp luật đối với di sản thừa kế của cụ Hồ Trọng Thiết và cụ Phạm Thị T5 chết để lại là thửa đất số 127, tờ bản đồ số 2 (bản đồ 299), tức thửa đất số 273, tờ bản đồ số 10, diện tích 2.880m^2 (bản đồ địa chính), trong đó 200m^2 đất ở và 2.680 m^2 đất vườn tại xóm Tân Xuân, xã Quỳnh Bảng thành 06 phần cho những N1ời thuộc diện thừa kế và thừa kế thế vị, mỗi phần 480m^2 đất ở, đất vườn. Về nhà ở của cụ T4 và cụ T5, bà V đã sử dụng làm gì ông Đ không biết nhưng hiện tại không còn nữa không nên không yêu cầu chia di sản là nhà ở. Ông Đ cho rằng giấy bán nhà giữa ông với ông Nguyễn Khắc Phú phải được lập thành hai bản, một bản do ông giữ, còn một bản do ông Phú giữ mới đúng quy định của pháp luật. Ông thừa nhận chữ ký trong giấy bán nhà cho ông Phú là do ông ký, nhưng nay chỉ có 01 bản của ông Phú giao lại là không khách quan, ông Đ không yêu cầu giám định chữ ký.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải bà Đoàn Thị V trình bày: Bà thống nhất với trình bày của ông Đ về nguồn gốc thửa đất là của cụ T4 và cụ T5 để lại và những N1ời con cháu của hai cụ. Hai cụ chết không để lại di chúc, nhưng vào năm 1977 ông Đ1, bà V có mua một mảnh đất diện tích 1.816,6m^2 tại xóm Tân Xuân, xã Quỳnh Bảng. Sau khi ông L là con trai đầu chết, cụ T4 và cụ T5 đã gọi vợ chồng ông Đ1, bà V về ở cùng, khi đó ông Đ đang ở chung với hai cụ nên ông Đ1 và ông Đ có thỏa thuận đổi đất, tức là bà V và ông Đ1 dọn về nhà cụ T4 và cụ T5 ở, còn ông Đ dọn ra nhà đất vợ chồng ông Đ1, bà V đã mua để ở. Do là anh em trong nhà nên không làm V bản gì. Sau đó đến năm 1992 ông Đ đã bán mảnh đất đó cho ông Nguyễn Khắc Phú, hiện nay ông Phú đang quản L, sử dụng. Cụ T4 và cụ T5 đã giao đất đó cho vợ chồng ông Đ1, bà V trước sự chứng kiến của ông Đ nhưng không lập thành V bản. Gia đình bà đã ở trên thửa đất đó từ năm 1986 đến nay.

Cụ T4 chết năm 1989, cụ T5 chết năm 1990. Khi chết hai cụ không để lại di chúc. Di sản hai cụ để lại là mảnh đất hiện nay ông Đ đang tranh chấp là thửa đất số 127, tờ bản đồ số 02 (bản đồ 299), diện tích 3.080m^2, nay là thửa đất số 273, tờ bản đồ số 10 (bản đồ địa chính), diện tích 2.880 m^2 tại xóm Tân Xuân, xã Quỳnh Bảng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, trên đất có nhà 4 gian 2 vì gỗ nhưng đã xập xệ. Bà đã quản

L, sử dụng mảnh đất đó từ khi hai cụ đang còn sống đến nay. Mảnh đất này đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1995 mang tên ông Hồ Trọng Đ1.

Nay ông Hồ Trọng Đ yêu cầu Tòa án chia di sản theo pháp luật là quyền sử dụng thửa đất trên thì bà không Đ2 ý vì cụ T4 và cụ T5 khi còn sống đã giao đất đó cho vợ chồng bà, bù lại cho ông Đ mảnh đất khác, nay ông Đ đã bán cho ông Phú từ lâu. Quá trình được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông Đ và các cô cũng không có ý kiến gì. Bà đã ở trên đất đó từ năm 1986 đến nay không ai có tranh chấp và đã được cấp bìa, đất đó là đất của bà và ông Đ1 được bố mẹ ông Đ1 tặng cho. Từ đó đến nay bà và các con đã xây dựng được nhà 2 gian, khu chăn nuôi, nhà bếp đã xuống cấp trầm trọng, được cấp 1 nhà tình nghĩa.

Biên bản lấy lời khai ngày 16/4/2018 bà Nguyễn Thị N là N1ời đại diện theo ủy quyền của chị Hồ Thị T3 trình bày:

Bà là vợ của ông Hồ Trọng Đ2 (ông Đ2 là con đẻ của cụ Phạm Thị T5 và cụ Hồ Trọng T4), là chị dâu của ông Hồ Trọng Đ và em dâu của bà Đoàn Thị V. Hai cụ có 7 con chung đúng như ông Đ, bà V trình bày, không có con nuôi, không có con riêng. Bà và ông Hồ Trọng Đ2 có 02 N1ời con là Hồ Thị V và Hồ Thị T3. Cụ T4 chết năm 1989, cụ T5 chết năm 1990. Khi chết hai cụ không để lại di chúc, để lại di sản là mảnh đất hiện nay mẹ con bà Đoàn Thị V đang ở là thửa đất số 127, tờ bản đồ số 02 (bản đồ 299), diện tích 3.080m^2, nay là thửa đất số 273, tờ bản đồ số 10 (bản đồ địa chính), diện tích 2.880 m^2 tại xóm Tân Xuân, xã Quỳnh Bảng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, trên đất có nhà 4 gian 2 vì gỗ nhưng đã xập xệ (hiện nay không còn). Hiện nay bà Đoàn Thị V đang quản L, sử dụng mảnh đất đó và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1995 mang tên ông Hồ Trọng Đ1 (chồng bà Đoàn Thị V). Khi cấp bìa cho ông Đ1 các thành viên trong gia đình không ai biết. Bà không nhớ bà V quản L, sử dụng thửa đất đó từ năm nào nhưng trước năm 1989. Khi ông Đ1 và bà V lấy nhau thì tách khẩu ra ở riêng còn ông Đ ở cùng bố mẹ tại thửa đất đang tranh chấp. Năm 1977 ông Đ1, bà V có mua một mảnh đất tại xóm Tân Xuân, xã Quỳnh Bảng. Sau đó, ông Hồ Trọng Đ chuyển ra sinh sống trên đất của ông Đ1, bà V tại xóm Tân Xuân, xã Quỳnh Bảng, còn ông Đ1, bà V về ở trên đất của cụ T4 và cụ T5. Việc đổi đất giữa ông Đ và ông Đ1 thì cụ T4, cụ T5 có Đ2 ý hay không bà không rõ. Hiện nay diện tích đất mà ông Đ1 đổi cho ông Đ thì bà thấy ông Nguyễn Khắc Phú đang sử dụng. Bà Đ2 ý với nội dung khởi kiện của ông Đ, đề nghị Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G555565 do Ủy ban nhân dân huyện Quỳnh Lưu cấp ngày 30/12/1995 mang tên Hồ Trọng Đ1, chia di sản thừa kế đối với thửa đất số 127, tờ bản đồ số 2 (bản đồ 299) tại xóm Tân Xuân, xã Quỳnh Bảng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An. Đối với phần thừa kế thế vị hai con được nhận từ phần của ông Đ2 thì bà đề nghị được chia bằng đất.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/10/2018 chị Hồ Thị V trình bày:

Chị là con gái của ông Hồ Trọng Đ2 (ông Đ2 là con của ông T4 và bà T5). Ông T4 và bà T5 có 7 con chung đúng như ông Đ trình bày, ông T4 và bà T5 không ai có con nuôi, con riêng. Ông T4 chết năm 1989, bà T5 chết năm 1990. Khi chết ông bà không để lại di chúc và để lại di sản thừa kế là thửa đất số 127, tờ bản đồ số 02 (bản đồ 299), diện tích 3.080m^2, tại xóm Tân Xuân, xã Quỳnh Bảng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An. Nhà cửa ông bà đã cũ, bà V đã tháo dỡ và hiện nay không còn nữa. Thửa đất đó hiện nay bà V và các con đang trực tiếp quản L, sử dụng, bà V đã làm nhà, các công trình khác trên đất. Ông Đ yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất mang tên ông Hồ Trọng Đ1 và chia thừa kế theo pháp luật thửa đất trên thì chị Đ2 ý với yêu cầu của ông Đ. Nếu chị được nhận kỷ phần thừa kế của ông bà để lại thì chị xin nhận bằng hiện vật, chị sẽ trực tiếp quản L, sử dụng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/7/2018 ông Hồ Trọng T, bà Hồ Thị D, bà Hồ Thị N1 thống nhất trình bày:

Cụ T4 và cụ T5 có 07 con chung không có con riêng, con nuôi. Cụ T4 chết ngày 06/10/1989, cụ T5 chết ngày 01/12/1990 đều không để lại di chúc. Hai cụ chết có để lại di sản thừa kế cho các con là một ngôi nhà ngói 4 gian 2 vì gỗ và thửa đất ở số 127, tờ bản đồ số 2 (bản đồ 299), diện tích 200m^2 đất ở và 2.680m^2 đất vườn tại xóm Tân Xuân, xã Quỳnh Bảng. Thửa đất hiện nay bà Đoàn Thị V đang quản L, sử dụng. Năm 2002 bà V dỡ nhà của ông T4 xây lại và hiện nay không còn nữa. Tài sản của bà Đoàn Thị V hiện nay đã xây dựng trên thửa đất của ông T4, bà T5 gồm 01 nhà ngói 03 gian 1 vì gỗ, công trình phụ, một gian ốt. Tháng 3 năm 2017 ông Hồ Trọng Đ làm đơn đề nghị UBND xã Quỳnh Bảng giải quyết chia đất ở, đất vườn là di sản của cụ T4 và cụ T5 chết để lại. Ngày 31/3/2017 UBND xã đã lập biên bản làm việc, hòa giải nhưng bà Đoàn Thị V không nhất trí. Đ2 thời bà V xuất trình giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G555565 do UBND huyện Quỳnh Lưu cấp ngày 30/12/1995 đối với thửa đất nói trên cấp cho ông Hồ Trọng Đ1. Lúc này mọi N1ời mới biết thửa đất của ông T4, bà T5 đã được cấp bìa cho ông Hồ Trọng Đ1.

Ông T, bà D, bà N1 Đ2 ý với yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Trọng Đ là hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G555565 đối với thửa đất số 127, tờ bản đồ số 2 (bản đồ 299), nay là thửa 273, tờ bản đồ số 10, diện tích 2.880m^2 (bản đồ địa chính) tại xóm Tân Xuân, xã Quỳnh Bảng và chia thừa kế thửa đất trên thành 06 phần, mỗi phần 480m^2 đất ở, đất vườn. Phần các ông bà được hưởng xin nhận bằng hiện vật.

Tại bản tự khai ngày 23/8/2018 anh Hồ Trọng T2 và anh Hồ Trọng T1 trình bày:

Anh T1 và anh T2 là cháu nội của cụ Hồ Trọng T4 và cụ Phạm Thị T5. Là con trai của bà Đoàn Thị V. Hai cụ đã chết, lúc đó anh còn nhỏ nên không nhớ chết năm nào. Quá trình chung sống anh nghe bố mẹ kể lại là hai cụ sống trên mảnh đất mà hiện nay mẹ anh đang quản L, sử dụng. Trước khi chuyển về ở với hai cụ thì bố mẹ anh đã

mua mảnh đất khác, khi đó ông Đ đang ở chung với cụ T4 và cụ T5 nên bố mẹ anh và ông Đ có thỏa thuận tạm thời đổi đất để bố mẹ anh về ở phụng dưỡng hai cụ tại xóm Tân Xuân, xã Quỳnh Bảng, gia đình anh sống trên thửa đất ổn định từ năm 1986 đến nay không có ai tranh chấp. Anh nghe bố mẹ kể lại là ông bà, hai bác ở Quỳnh Tân và ông Đ đã giao lại cho bố mẹ anh sử dụng mảnh đất đó. Việc lập bìa đỏ là do xóm và Ủy ban nhân dân xã Quỳnh Bảng T1 hành kê khai theo chủ trương của nhà nước thời kỳ đó. Sau khi được cấp bìa đỏ T2 nay không có ai tranh chấp. Anh T1 và anh T2 không Đ2 ý với yêu cầu khởi kiện của ông Đ vì đất đó ông bà đã cho bố mẹ anh mặc dù trước khi chết ông bà không để lại di chúc. Nếu phải chia di sản thừa kế là thửa đất trên theo quy định của pháp luật, hai anh xin được nhận giá trị di sản bằng hiện vật và giao lại diện tích hai anh được hưởng cho bà Đoàn Thị V quản L, sử dụng, không yêu cầu bà V trích trả bằng tiền.

Tại bản tự khai ngày 26/7/2021 anh Hồ Trọng Q trình bày:

Anh Q là cháu nội của cụ Hồ Trọng T4 và cụ Phạm Thị T5. Là con trai của bà Đoàn Thị V và ông Hồ Trọng Đ1. Hai cụ đã chết, lúc đó anh còn nhỏ nên không nhớ chết năm nào. Việc ông Hồ Trọng Đ khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Hồ Trọng T4 và cụ Phạm Thị T5 để lại là thửa đất số 127, tờ bản đồ số 2 (bản đồ 299), nay là thửa 273, tờ bản đồ số 10, diện tích 2.880m^2 (bản đồ địa chính) tại xóm Tân Xuân, xã Quỳnh Bảng và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 555565 đã được Ủy ban nhân dân huyện Quỳnh Lưu cấp cho ông Hồ Trọng Đ1 ngày 30/12/1995 thì anh hoàn toàn không Đ2 ý. Vì trước đây bố mẹ anh đã có nhà đất ở nơi khác sau đó đã đổi cho ông Hồ Trọng Đ. Bố mẹ anh đã ở ổn định từ năm 1986 đến nay không có ai tranh chấp. Nếu phải chia di sản thừa kế là thửa đất trên theo quy định của pháp luật, anh xin được nhận giá trị di sản bằng hiện vật và giao lại diện tích anh được hưởng cho bà Đoàn Thị V quản L, sử dụng, không yêu cầu bà V trích trả bằng tiền.

Biên bản lấy lời khai ngày 11/7/2018 chị Hồ Thị C trình bày: Chị là cháu nội của cụ Hồ Trọng T4 và cụ Phạm Thị T5, là con của ông Hồ Trọng Đ1 và bà Đoàn Thị V. Cụ T4 chết năm 1989, cụ T5 chết năm 1990. Khi đó chị còn nhỏ, lớn lên nghe N1ời lớn kể lại là hai cụ có thửa đất hiện nay mẹ chị là bà Đoàn Thị V đang quản L, sử dụng. Khi chết cụ T4 và cụ T5 không để lại di chúc, để lại mảnh đất hiện nay ông Đ đang tranh chấp là thửa đất số 127, tờ bản đồ số 02 (bản đồ 299), diện tích 3.080m^2, nay là thửa đất số 273, tờ bản đồ số 10 (bản đồ địa chính), diện tích 2.880m^2 tại xóm Tân Xuân, xã Quỳnh Bảng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, trên đất có nhà 4 gian 2 vì gỗ nhưng đã xập xệ, không thể ở được nên bà V đã xây lại nhà mới. Hiện nay bà Đoàn Thị V đang quản L, sử dụng mảnh đất đó từ khi ông bà đang còn sống đến nay. Mảnh đất này đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1995 mang tên ông Hồ Trọng Đ1. Ông Đ yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật chị không Đ2 ý

vì cụ T4 và cụ T5 khi còn sống đã giao đất đó cho bố mẹ chị, bù lại cho ông Đ mảnh đất khác, nay ông Đ đã bán cho ông Phú từ lâu. Quá trình được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông Đ, các cô cũng không có ý kiến gì. Gia đình chị đã ở trên đất đó từ năm 1986 đến nay không ai có tranh chấp và đã được cấp bìa mang tên ông Đ1. Nếu Tòa án chia di sản thừa kế là thửa đất trên theo quy định của pháp luật, chị xin được nhận giá trị di sản bằng hiện vật và giao lại diện tích chị được hưởng cho bà Đoàn Thị V quản L, sử dụng, không yêu cầu bà V trích trả bằng tiền.

Tại V bản số 2107/UBND.TNMT ngày 20/9/2019 của UBND huyện Quỳnh Lưu có ý kiến:

Uỷ ban nhân dân huyện Quỳnh Lưu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hồ Trọng Đ1 ngày 30/12/1995, thời điểm này UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Đ2 loạt trên toàn huyện, kết hợp với chủ trương giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định, lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp theo Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của chính phủ. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đảm bảo đúng quy định theo luật đất đai năm 1993.

Theo Công V số 58/CV-VPĐKQSDĐ hồ sơ đất ông Hồ Trọng Đ1 hiện không còn lưu trữ tại V phòng đăng ký QSDĐ huyện Quỳnh Lưu.

Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và Biên bản định giá tài sản ngày 17/7/2019 thể hiện như sau:

- Diện tích đất ở 200m^2 trị giá 600.000đ/m^2 = 120.000.000 Đ2;

- Đất vườn 2.663,5m^2 x 300.000đ/m^2 = 799.050.000 Đ2;

- Đất bồi trúc 65.000đ/m^3 x 1.557m^3 = 101.205.000 Đ2;

- Nhà chính cấp 4 lợp ngói diện tích 52,2m^2 trị giá 60.000.000 Đ2;

- Nhà dưới cấp 4 mái lợp tôn, diện tích 54,4m^2 trị giá 105.000.000 Đ2;

- Nhà ốt cấp 4 mái lợp tôn, diện tích 41,8m^2 trị giá 65.000.000 Đ2;

- Nhà chăn nuôi mái lợp ngói, diện tích 33,8m^2 trị giá 5.000.000 Đ2;

- Nhà vệ sinh 12,5m^2 trị giá 30.000.000 Đ2;

- Bể nước 9,6m^3 trị giá 3.000.000 Đ2;

- Sân, cổng, tường bao trị giá 17.000.000 Đ2;

- Bể phốt xây dở dài 1,5m, rộng 1m, cao 1,2m trị giá 1.000.000 Đ2;

- 06 cây dừa trị giá 250.000đ/cây = 1.500.000 Đ2;

- 15 cây Xoan đường kính 10-20cm x 80.000đ/cây = 1.200.000 Đ2;

- 04 cây Bưởi x 200.000đ/cây = 800.000 Đ2;

- 202 cây chuối (đến tuổi thu hoạch) x 15.000đ/cây = 3.030.000 Đ2;

- 02 cây Nhãn x 400.000đ/cây = 800.000 Đ2;

- 04 cây Phi lao đường kính 20-30cm x 260.000đ/cây = 1.040.000 Đ2;

Tại phiên tòa các đương sự Đ2 ý kết quả định giá tài sản ngày 17/7/2019 không có ai yêu cầu định giá lại.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ L vụ án cho đến trước thời điểm Hội Đ2 xét xử nghị án, Thẩm phán và Hội Đ2 xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng. Các đương sự chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Ủy ban nhân dân huyện Quỳnh Lưu không chấp hành theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, không cung cấp tài liệu chứng cứ theo quyết định của Tòa án, vắng mặt không có L do, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần, Hội Đ2 xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt Ủy ban nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội Đ2 xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Trọng Đ.

Hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G555565 do UBND huyện Quỳnh Lưu cấp ngày 30/12/1995 cho ông Hồ Trọng Đ1, đối với thửa đất số 127, tờ bản đồ số 2 (bản đồ 299) diện tích 3.080m^2 tại xóm Tân Xuân, xã Quỳnh Bảng nay là thửa đất số 273, tờ bản đồ số 10 (bản đồ địa chính), diện tích 2.863,5m^2 trong đó 200m^2 đất ở và 2.663,5m^2 đất vườn tại xóm Tân Xuân, xã Quỳnh Bảng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

Chia di sản thừa kế của ông T4 và bà T5 để lại là thửa đất số 127, tờ bản đồ số 02 (bản đồ 299), diện tích 3.080m^2, nay là thửa đất số 273, tờ bản đồ số 10 (bản đồ địa chính), diện tích 2.863,5m^2 trong đó 200m^2 đất ở và 2.663,5m^2 đất vườn tại xóm Tân Xuân, xã Quỳnh Bảng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An cho 06 suất thừa kế. Tính phần công sức của ông Đ1 và bà V bằng 01 suất thừa kế, những N1ời được giao di sản thừa kế phải trích trả công tôn tạo cho ông Đ1 và bà V 101.205.000 Đ2. Về yêu cầu ông Đ trả lại diện tích đất khi đổi, bà V chưa làm đơn yêu cầu giải quyết, Tòa án chưa thụ L yêu cầu này nên dành quyền khởi kiện cho bà V bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ, được tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, Hội Đ2 xét xử có đủ cơ sở xác định.

[1] Về tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ các V bản tố tụng, giấy triệu tập cho Ủy ban nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An. N1ời đại diện theo ủy quyền có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 127; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt N1ời có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Các đương sự chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Cụ Hồ Trọng T4 chết ngày 06/10/1989 và cụ Phạm Thị T5 chết ngày 01/12/1990. Ngày 12/6/2017 ông Hồ Trọng Đ nộp đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu. Căn cứ vào khoản 1 Điều 623 Bộ luật dân sự 2015 yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế của ông Hồ Trọng Đ đang còn thời hiệu khởi kiện.

[3] Về hàng thừa kế: Cụ Hồ Trọng T4 và cụ Phạm Thị T5 không có con nuôi, không có con riêng, có 7 con chung gồm: Ông Hồ Trọng L, liệt sỹ hy sinh năm 1968 trước khi N1ời để lại di sản chết, nên con là Hồ Trọng T được hưởng thừa kế thế vị phần di sản của ông L được hưởng; ông Hồ Trọng Đ1, chết năm 2013, có vợ là bà Đoàn Thị V và 5 N1ời con. Do đó bà V và 5 N1ời con được hưởng phần di sản thừa kế của ông Đ1 được hưởng; ông Hồ Trọng Đ2, chết năm 1976 trước khi N1ời để lại di sản chết, nên các con là Hồ Thị V và Hồ Thị T3 được hưởng thừa kế thế vị phần di sản thừa kế của ông Đ2 được hưởng; bà Hồ Thị N1, sinh năm 1950; bà Hồ Thị D, sinh năm 1953; ông Hồ Trọng Đ, sinh năm 1954; bà Hồ Thị Bảy, sinh năm 1956, chết năm 1987 không có chồng con. Do đó hàng thừa kế T5 nhất của ông T4 và bà T5 có 06 N1ời được hưởng di sản thừa kế gồm: Ông Hồ Trọng L, ông Hồ Trọng Đ1, ông Hồ Trọng Đ2, bà Hồ Thị N1, ông Hồ Trọng Đ và bà Hồ Thị D.

[4] Về di sản thừa kế: Cụ Hồ Trọng T4 chết năm 1989 và cụ Phạm Thị T5 chết năm 1990. Khi chết hai cụ không để lại di chúc, để lại di sản là thửa đất số 127, tờ bản đồ số 02 (bản đồ 299), diện tích 3.080m^2, nay là thửa đất số 273, tờ bản đồ số 10 (bản đồ địa chính), diện tích 2.863,5m^2 trong đó 200m^2 đất ở và 2.663,5m^2 đất vườn tại xóm Tân Xuân, xã Quỳnh Bảng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, nay đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G555565 do Ủy ban nhân dân huyện Quỳnh Lưu cấp ngày 30/12/1995 mang tên Hồ Trọng Đ1. Qua xem xét thẩm định tại chỗ thửa đất có diện tích 2.863,5m^2 trong đó 200m^2 đất ở và 2.663,5m^2 đất vườn (diện tích giảm do sai số trong đo đạc). Tổng giá trị di sản là 919.050.000 Đ2.

[5] Về phân chia thừa kế: Năm 1977 ông Hồ Trọng Đ1 và bà Đoàn Thị V đã mua nhà ở trên mảnh đất khác. Năm 1986 do ông L là con trai cả đã hy sinh nên cụ T4 và cụ T5 đã gọi vợ chồng ông Đ1 và bà V về ở trên thửa đất để chăm sóc bố mẹ. Khi đó ông Đ1 và ông Đ thỏa thuận đổi đất nên ông Đ về ở trên thửa đất của ông Đ1 và bà V tạo lập nên, đến năm 1992 ông Đ đã chuyển nhượng thửa đất đó cho ông Nguyễn Khắc Phú. Ông Đ1 và bà V chung sống và chăm sóc hai cụ. Sau khi các cụ mất ông Đ1 và bà V ở lại trên thửa đất cho đến nay đã có công chăm sóc bố mẹ, giữ gìn, tôn tạo, nâng cao giá trị thửa đất. Tại phiên tòa bà V đề nghị phần công sức, tôn tạo của bà tính bằng diện tích đất. Xét thấy đề nghị của bà V là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên tính công sức giữ gìn, tôn tạo của bà V bằng ½ diện tích đất trồng cây hàng năm. Phần di sản thừa kế còn lại được chia thành 6 phần mỗi phần, mỗi phần được hưởng 255m^2 trong đó 33m^2 đất ở và 222m^2 đất trồng cây hàng năm, tổng giá trị 86.400.000 Đ2. Cụ thể: Ông Hồ Trọng T được hưởng thừa kế thế vị phần di sản của ông Hồ Trọng L được hưởng 255m^2 đất trong đó 33m^2 đất ở và 222m^2 đất trồng cây hàng năm.

Chị Hồ Thị V và chị Hồ Thị T3 được hưởng thừa kế thế vị phần di sản của ông Hồ Trọng Đ2 được hưởng 255m^2 đất trong đó 33m^2 đất ở và 222m^2 đất trồng cây hàng năm, tại phiên tòa chị V có ý kiến giao cho chị được quyền sử dụng phần đất của chị T3 được hưởng, nhưng chị T3 và N1ời được ủy quyền là bà N không thể hiện tại bản tự khai và vắng mặt tại phiên tòa nên không chấp nhận ý kiến của chị V; bà Hồ Thị N1, bà Hồ Thị D mỗi N1ời được hưởng phần thừa kế 255m^2 đất trong đó 33m^2 đất ở và 222m^2 đất trồng cây hàng năm.

Ông Hồ Trọng Đ được hưởng phần thừa kế 255m^2 đất trong đó 33m^2 đất ở và 222m^2 đất trồng cây hàng năm. Nhưng vào năm 1986 ông Đ đã thỏa thuận đổi đất cho ông Đ1 và bà V. Sau khi đổi năm 1992 ông Đ đã bán nhà và đất đó cho ông Nguyễn Khắc Phú lấy số tiền 1.300.000 Đ2. Quá trình giải quyết vụ án bà V và các Đ2 thừa kế có yêu cầu ông Đ đã đổi đất thì nay phần đất ông Đ được hưởng phải giao lại cho bà V và các Đ2 thừa kế. Hội Đ2 xét xử xét thấy đây là yêu cầu thực hiện để bù trừ nghĩa vụ và có căn cứ nên được chấp nhận. Do đó phần di sản ông Đ được hưởng phải giao lại cho bà Đoàn Thị V và các Đ2 thừa kế của ông Đ1. Các Đ2 thừa kế của ông Đ1 đều Đ2 ý giao lại phần diện tích đất được hưởng cho bà V.

Đối với phần tài sản trên đất và cây cối do ông Đ1 và bà V xây dựng và trồng cây. Bà V và các Đ2 thừa kế Đ2 ý tự thu hoạch, phần tài sản và cây cối còn lại không yêu cầu Tòa án giải quyết mà nằm trên phần đất giao cho ai thì N1ời đó được sử dụng mà không phải giao lại giá trị bằng tiền.

[6] Về yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

Xét thấy nguồn gốc thửa đất là do cụ Hồ Trọng T4 và cụ Phạm Thị T5 sử dụng từ lâu, năm 1989 cụ T4 chết, năm 1990 cụ T5 chết, hai cụ không để lại di chúc. Năm 1995 không được sự thỏa thuận của các Đ2 thừa kế hàng thừa kế T5 nhất Đ2 ý nhưng UBND huyện Quỳnh Lưu vẫn cấp giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hồ Trọng Đ1 theo Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của chính phủ. Như vậy, việc cấp giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất là chưa đúng trình tự thủ tục theo quy định của Luật Đất đai năm 1993. Do đó cần hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G555565 do UBND huyện Quỳnh Lưu cấp ngày 30/12/1995 cho ông Hồ Trọng Đ1 đối với thửa đất số 127, tờ bản đồ số 2 (bản đồ 299) tại xóm Tân Xuân, xã Quỳnh Bảng nay là thửa đất số 273, tờ bản đồ số 10 (bản đồ địa chính), diện tích 2.863,5m^2 trong đó 200m^2 đất ở và 2.663,5m^2 đất vườn tại xóm Tân Xuân, xã Quỳnh Bảng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

[6] Về án phí: Ông Hồ Trọng Đ, bà Đoàn Thị V, bà Hồ Thị N1, Hồ Thị D là N1ời cao tuổi được miễn tiền án phí.

Chị Hồ Thị V và Hồ Thị T3 phải chịu 4.320.000 Đ2.

Anh Hồ Trọng T con liệt sỹ được miễn tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 610, 612, 613, 623, 649, 650, 651, 653, 660 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 166, 167 Luật đất đai; các Điều 26, 34, 37, 39, 74, 147 và Điều 127, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật N1ời cao tuổi.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế và hủy Quyết định cá biệt của ông Hồ Trọng Đ.

Hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G555565 do UBND huyện Quỳnh Lưu cấp ngày 30/12/1995 cho ông Hồ Trọng Đ1, đối với thửa đất số 127, tờ bản đồ số 2 (bản đồ 299) diện tích 3.080m^2 tại xóm Tân Xuân, xã Quỳnh Bảng, nay là thửa đất số 273, tờ bản đồ số 10 (bản đồ địa chính), diện tích 2.863,5m^2 trong đó 200m^2 đất ở và 2.663,5m^2 đất vườn tại xóm Tân Xuân, xã Quỳnh Bảng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An. Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 569/QSDĐ/450/QĐ-UB.

Giao cho bà Đoàn Thị V được quyền sử dụng 1.843,5m^2 đất trong đó 68m^2 đất ở và 1.775,5m^2 đất trồng cây hàng năm (bà V đang sử dụng) tại thửa đất số 127, tờ bản

đồ số 2 (bản đồ 299), nay là thửa đất số 108, tờ bản đồ địa chính số 30, tại xóm Tân Xuân, xã Quỳnh Bảng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, có tứ cận như sau: Bắc giáp thửa 90 dài 46,2m; Nam giáp đường ngõ xóm 48,77m; Đ1ng giáp đường bê tông 38,41m; Tây giáp đất giao cho ông T 39,74m.

Bà Đoàn Thị V phải giao cho ông Hồ Trọng T 255,0m^2 trong đó 33m^2 đất ở và 222,0m^2 đất trồng cây hàng năm tại thửa đất số 127, tờ bản đồ số 2 (bản đồ 299), nay là thửa đất số 108, tờ bản đồ địa chính số 30, tại xóm Tân Xuân, xã Quỳnh Bảng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, có tứ cận như sau: Bắc giáp thửa 90 dài 6,42m; Nam giáp đường ngõ xóm 6,41m; Đ1ng giáp đất giao bà V 39,74m; Tây giáp đất giao cho bà N1 39,93m.

Bà Đoàn Thị V phải giao cho bà Hồ Thị N1 255,0m^2 trong đó 33m^2 đất ở và 222,0m^2 đất trồng cây hàng năm tại thửa đất số 127, tờ bản đồ số 2 (bản đồ 299) tại xóm Tân Xuân, xã Quỳnh Bảng, nay là thửa đất số 108, tờ bản đồ địa chính số 30, tại xóm Tân Xuân, xã Quỳnh Bảng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, có tứ cận như sau: Bắc giáp thửa 90 dài 6,39m; Nam giáp đường ngõ xóm 6,38m; Đ1ng giáp đất giao cho ông T 39,93m; Tây giáp đất giao cho bà D 40,11m.

Bà Đoàn Thị V phải giao cho Bà Hồ Thị D 255,0m^2 trong đó 33m^2 đất ở và 222,0m^2 đất trồng cây hàng năm tại thửa đất số 127, tờ bản đồ số 2 (bản đồ 299), nay là thửa đất số 108, tờ bản đồ địa chính số 30, tại xóm Tân Xuân, xã Quỳnh Bảng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, có tứ cận như sau: Bắc giáp thửa 90 dài 4,88m, giáp thửa 84 dài 2,75m (0,95+1,4+0,4); Nam giáp đường ngõ xóm 6,39m; Đ1ng giáp đất giao cho bà N1 40,11m; Tây giáp đất giao cho chị V 38,78m.

Bà Đoàn Thị V phải giao cho chị Hồ Thị V và Hồ Thị T3 255,0m^2 trong đó 33m^2 đất ở và 222,0m^2 đất trồng cây hàng năm tại thửa đất số 127, tờ bản đồ số 2 (bản đồ 299), nay là thửa đất số 108, tờ bản đồ địa chính số 30, tại xóm Tân Xuân, xã Quỳnh Bảng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, có tứ cận như sau: Bắc giáp thửa 84 dài 6,64m; Nam giáp đường ngõ xóm 6,64m; Đ1ng giáp đất giao cho bà D 38,78m; Tây giáp thửa đất số 95 dài 38,11m.

Tài sản trên phần đất giao cho ai thì N1ời đó được hưởng, bà V và những N1ời ở hàng thừa kế T5 nhất của ông Đ1 không yêu cầu trả lại.

Về án phí: Miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông Hồ Trọng Đ, bà Đoàn Thị V, bà Hồ Thị N1, bà Hồ Thị D là N1ời cao tuổi.

Miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông Hồ Trọng T là con Liệt sỹ.

Chị Hồ Thị V và chị Hồ Thị T3 phải nộp 4.320.000 Đ2 án phí dân sự sơ thẩm, cụ thể mỗi N1ời phải nộp 2.160.000 Đ2.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân

sự thì N1ời được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận: ‘
- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Quỳnh Bảng;
- Các đương sự.
- Lưu HS, VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Anh Sơn